

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN: ĐỊA LÝ LỚP 9
Nội dung bài học tuần 9 (2 bài)

Tuần 9: VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ (TIẾT 1)

A. Hướng dẫn học:

I. Vị trí địa lý và giới hạn lãnh thổ:

***Bước 1:** Học sinh đọc sách giáo khoa phần 1 trang 61 và quan sát hình 17.1 trang 62. Và trả lời các câu hỏi:

***Bước 2:**

- + Diện tích của vùng là bao nhiêu?
- + Vùng tiếp giáp với những nước nào?
- + Vùng gồm bao nhiêu tỉnh thành?
- + Vị trí địa lý của vùng có gì đặc biệt?
- + Ý nghĩa của vị trí địa lý?

***Nội dung cần nắm:**

-**Vị trí:** là vùng lãnh thổ phía bắc nước ta .

- + Phía Bắc giáp Trung Quốc
- + Phía Nam giáp vùng Bắc Trung Bộ
- + Phía tây giáp Lào
- + Phía đông giáp Vịnh Bắc bộ.

-**Ý nghĩa:** Dễ giao lưu phát triển kinh tế với trong và ngoài nước, lãnh thổ giàu về tiềm năng.

II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

***Bước 1:** Đọc sách giáo khoa trang 61, 62 và 63, kết hợp quan sát hình 17.1 trang 62: (lưu ý vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ gồm 2 tiểu vùng Đông Bắc và Tây Bắc)

***Bước 2:**

- Tìm hiểu ĐKTN và thế mạnh kinh tế của tiểu vùng Đông Bắc?
- Tìm hiểu ĐKTN và thế mạnh kinh tế của tiểu vùng Đông Bắc?
- Những khó khăn về mặt tự nhiên của vùng và biện pháp khắc phục?

Tiểu vùng	Đông Bắc	Tây Bắc
ĐKTN		
TMKT		
Khó khăn		
Biện pháp		

***Nội dung cần nắm:**

Bảng 17.1. Điều kiện tự nhiên và thế mạnh kinh tế ở Trung du và miền núi Bắc Bộ

Tiểu vùng	Điều kiện tự nhiên	Thế mạnh kinh tế
Đông Bắc	Núi trung bình và núi thấp. Các dãy núi hình cánh cung. Khí hậu nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh.	Khai thác khoáng sản : than, sắt, chì, kẽm, thiếc, bô xít, apatit, pirit, đá xây dựng... Phát triển nhiệt điện (Uông Bí,...). Trồng rừng, cây công nghiệp, dược liệu, rau quả ôn đới và cận nhiệt. Du lịch sinh thái : Sa Pa, hồ Ba Bể,... Kinh tế biển : nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, du lịch vịnh Hạ Long.
Tây Bắc	Núi cao, địa hình hiểm trở. Khí hậu nhiệt đới ẩm có mùa đông ít lạnh hơn.	Phát triển thủy điện (thủy điện Hoà Bình, thủy điện Sơn La trên sông Đà)... Trồng rừng, cây công nghiệp lâu năm, chăn nuôi gia súc lớn (cao nguyên Mộc Châu).

-*Khó khăn:* Địa hình bị chia cắt mạnh. Thời tiết diễn biến thất thường. Chặt phá rừng bừa bãi, sạt lở, xói mòn. Chất lượng môi trường bị giảm sút...

-*Biện pháp:* Mở rộng đường, xây hầm đường bộ. Trồng và bảo vệ rừng. Dự báo thời tiết thường xuyên...

III. Đặc điểm dân cư xã hội:

***Bước 1:** HS đọc SGK phần III trang 63-64-65:

***Bước 2:**

- Vùng là địa bàn sinh sống của những dân tộc nào?
- Thế mạnh của người dân trong sản xuất nông nghiệp?
- Cho biết chất lượng của sống của vùng?
- Tại sao chất lượng cuộc sống của vùng còn thấp?
- Dựa bảng số liệu 17.2 hãy nhận xét và giải thích sự chênh lệch về dân cư – xã hội của tiểu vùng Đông Bắc với Tây Bắc.

***Nội dung cần nắm**

- Là địa bàn cư trú của các dân tộc ít người: Thái, Dao, Tày, Nùng...
- Trình độ dân cư xã hội có sự chênh lệch giữa tiểu vùng Đông Bắc và Tây Bắc.
- Đời sống đồng bào các dân tộc đã được cải thiện.

B. Luyện tập và vận dụng:

- Vùng có bao nhiêu tỉnh thành?
- Vùng giáp với các quốc gia nào?
- Tỉnh nào của vùng duy nhất giáp biển?

- Vùng biên mà vùng tiếp giáp có tên là gì?
- Vùng được chia thành mấy tiểu vùng?
- Hãy cho biết ĐKTN và TMKT của 2 tiểu vùng?
- Kể tên dân tộc thiểu số tiêu biểu của vùng?

Tuần 9: VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ (TIẾT 2)

A. Hướng dẫn học:

IV. Tình hình phát triển kinh tế:

***Bước 1:** Học sinh đọc sách giáo khoa trang 66-67-68-69 và trả lời các câu hỏi sau để hoàn thành phiếu học tập:

***Bước 2:**

+ Công nghiệp.

- Kể tên các nhà máy thủy điện, nhiệt điện của vùng?
- Vì sao vùng có thể mạnh phát triển thủy điện và nhiệt điện?
- Tên ngành công nghiệp và cho ví dụ minh chứng?

+ Nông nghiệp.

- Thế mạnh để vùng phát triển nông nghiệp là gì?
- Tình hình phát triển các ngành ở đây?
- Nêu ví dụ về cây trồng, vật nuôi phổ biến?

+ Dịch vụ.

- Vùng có những ngành dịch vụ nào phát triển?
- Cho ví dụ để chứng minh điều đó?

	Công nghiệp	Nông nghiệp	Dịch vụ
Thế mạnh			
Tình hình phát triển			

***Nội dung cần nắm**

+ Công nghiệp:

- Phát triển mạnh cả thủy điện và nhiệt điện do có nguồn thủy năng và than phong phú.

- Nhiều tỉnh đã xây dựng được các xí nghiệp công nghiệp nhẹ, chế biến thực phẩm, sản xuất xi măng, thủ công mỹ nghệ

+ Nông nghiệp:

- Lúa, ngô là cây lương thực chính.
- Sản phẩm đa dạng, qui mô tập trung.
- Một số sản phẩm có giá trị: chè, hồi...
- Là vùng nuôi nhiều trâu, lợn.
- Trồng rừng theo hướng nông lâm kết hợp.

+ Dịch vụ:

- Cùng với đồng bằng sông Hồng, hình thành mối giao lưu thương mại lâu đời.

- Thương mại, giao thông, du lịch có nhiều điều kiện phát triển.
- Du lịch trở thành thế mạnh kinh tế của vùng.

V. Các trung tâm công nghiệp:

***Bước 1:** Đọc sách giáo khoa trang 69

***Bước 2:**

- Xác định trên Atlas vị trí các trung tâm kinh tế?
- Kể tên một số ngành công nghiệp của các trung tâm?
- Tại sao mỗi trung tâm lại có những thế mạnh kinh tế khác nhau?

***Nội dung cần nắm**

- Thái Nguyên, Việt Trì, Hạ Long, Lạng Sơn

B. Luyện tập và vận dụng :

Hoàn thành bảng sau :

	Công nghiệp	Nông nghiệp	Dịch vụ
Thế mạnh			
Tình hình phát triển			

- Lưu ý: Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Địa	Mục I: Mục II: Mục III:.....	1. 2. 3.